

Thứ sáu, ngày 5 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên tăng nhẹ

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 08/06/2020		•	
Tuần 8/6-12/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index có nhịp giao dịch khá rung lắc trong phiên sáng và bắt đầu tăng điểm trong phiên chiều. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Dòng tiền đầu duy trì vận động tích cực khi 15/19 nhóm ngành tăng điểm, với mức tăng mạnh nhất tập trung tại Hóa Chất (DGC, AAA) cùng Tài nguyên cơ bản (HSG, POM). Độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực, biên độ thị trường nở rộng và thanh khoản gần như không đổi cho thấy VN-Index có thể xác lập xu hướng tích lũy tại vùng giá 880-900.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 05/06/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch duy trì tại mức cao.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Chiến tranh thương mại_2.6%**

Phân tích kỹ thuật: VHC_Duy trì đà tăng (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.32** điểm, đóng cửa **886.22**. HNX-Index **+0.66** điểm, đóng cửa **118.08**.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+0.70)**; **HPG(+0.36)**; **VPB(+0.35)**; **BID (+0.35)**; **TCB(+0.25)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.97)**; **GAS (-0.55)**; **CTG (-0.21)**; **VHM(-0.19)**; **MSN (-0.17)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,198** tỷ đồng, giảm **-4%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 8.09 điểm, nở rộng so cùng phiên liền trước. Thị trường có **231** mã tăng, **63** mã tham chiếu và **132** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-150.32** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **E1VFN30 (-131.3 tỷ)**, **HPG (-111.09 tỷ)** và **TDH (-30.02 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-48.33** tỷ đồng tập trung ở **PVS (-36.9 tỷ đồng)**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 886.22Giá trị: 5408.26 tỷ **2.32 (0.26%)**

Khối ngoại (ròng): -150.32 tỷ

HNX-INDEX 118.08Giá trị: 623.32 tỷ **0.66 (0.56%)**

Khối ngoại (ròng): -48.33 tỷ

UPCOM-INDEX 56.43Giá trị: 0.53 tỷ **0.1 (0.18%)**

Khối ngoại(ròng): 8.19 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá đầu	38.0	1.60%
Giá vàng	1,712	-0.13%
Tỷ giá USD/VND	23,260	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,359	0.97%
Tỷ giá JPY/VND	21,289	-0.11%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	12.00%
LS TPCP 5 năm	2.1%	0.34%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	65.4	E1VFN30	-131.3
VCB	38.4	HPG	-111.2
VRE	18.8	TDH	-30.7
FUEFVFN	12.5	VJC	-24.3
VHM	12.0	MSN	-16.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH

Vietnam Daily Review

5/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_2.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	16/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Chiến tranh thương mại	2.6%	3.7%	3.7%	47.4%	-6.6%	-6.6%	18.2%
Lãi suất giảm	2.4%	4.8%	4.8%	49.5%	-1.4%	-1.4%	19.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	2.1%	4.1%	4.1%	39.7%	8.6%	8.6%	15.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.9%	6.7%	6.7%	45.3%	-1.5%	-1.5%	22.4%
Hàng tiêu dùng	1.9%	4.4%	4.4%	54.9%	-0.1%	-0.1%	19.5%
Stay-at-home	1.7%	3.5%	3.5%	43.3%	3.9%	3.9%	17.3%
Corona Avengers	1.5%	6.3%	6.3%	56.8%	3.3%	3.3%	21.9%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.5%	3.8%	3.8%	11.5%	11.5%	11.5%	25.6%
Nước & Năng lượng	1.4%	2.8%	2.8%	32.1%	-6.3%	-6.3%	16.6%
Vật liệu Xây dựng	1.3%	1.4%	1.4%	47.1%	-0.4%	-0.4%	20.5%
Dầu khí	1.3%	8.2%	8.2%	51.7%	-18.0%	-18.0%	25.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.0%	4.1%	4.1%	38.8%	-7.7%	-7.7%	19.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.7%	2.3%	2.3%	44.4%	-7.8%	-7.8%	21.2%
Xây dựng	0.6%	4.7%	4.7%	45.0%	-0.5%	-0.5%	19.0%
BĐS & Khu công nghiệp	0.6%	3.3%	3.3%	32.1%	-8.4%	-8.4%	17.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.3%	1.5%	1.5%	34.3%	-7.4%	-7.4%	17.7%
FTSE Việt Nam	0.2%	1.2%	1.2%	30.3%	-6.9%	-6.9%	16.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.2%	1.4%	1.4%	32.3%	-7.0%	-7.0%	15.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	3.3%	3.3%	35.5%	-10.6%	-10.6%	16.6%
Ngân Hàng	0.1%	6.2%	6.2%	40.2%	0.8%	0.8%	23.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.0%	5.1%	5.1%	41.4%	-2.1%	-2.1%	21.4%
VN Diamond	0.0%	2.5%	2.5%	37.2%	-9.6%	-9.6%	19.4%
VN FinSelect	0.0%	4.7%	4.7%	39.8%	-2.2%	-2.2%	19.9%
Ngành Dược	-0.1%	0.6%	0.6%	18.5%	-5.1%	-5.1%	18.3%
Mục tiêu	9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	1.3%	6.2%	6.2%	58.3%	-4.1%	-4.1%	20.8%
S21	1.2%	2.8%	2.8%	41.2%	-4.4%	-4.4%	19.9%
L22	1.1%	2.6%	2.6%	43.9%	-5.6%	-5.6%	19.6%
L11	0.8%	3.0%	3.0%	33.2%	-7.7%	-7.7%	17.4%
S11	0.7%	3.4%	3.4%	30.4%	-0.3%	-0.3%	18.8%
S32	0.7%	3.6%	3.6%	50.8%	-11.5%	-11.5%	22.2%
M22	0.6%	2.4%	2.4%	41.2%	-0.8%	-0.8%	18.8%
M12	0.5%	2.8%	2.8%	35.2%	-3.5%	-3.5%	19.8%
M31	0.5%	4.5%	4.5%	39.8%	-4.6%	-4.6%	21.0%
Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.9%	5.1%	5.1%	42.6%	2.7%	2.7%	17.4%
HIGH3	0.7%	3.1%	3.1%	43.9%	2.5%	2.5%	19.0%
LOW1	0.6%	2.7%	2.7%	31.5%	-3.0%	-3.0%	17.0%
INDEX							
VNINDEX	0.3%	2.5%	2.5%	33.8%	-7.8%	-7.8%	16.8%
VN30INDEX	0.3%	2.5%	2.5%	35.3%	-6.0%	-6.0%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	16	8	18	6	18	6
Mục tiêu	9	9	0	8	1	8	1
Rủi ro	3	3	0	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

VHC_Duy trì đà tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26

Nhận định: VHC đang ở trong trạng thái tăng giá từ đầu tháng 4 đến nay đồng thuận với đà hồi phục của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá cổ phiếu tăng mạnh, qua đó chính thức vượt qua ngưỡng cản tại ngưỡng giá 35. Các chỉ báo xu hướng hầu hết đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của VHC. Chỉ báo động lượng RSI đã ở trong vùng quá mua nhưng chưa có dấu hiệu nào cho thấy cổ phiếu sẽ có sự điều chỉnh. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VHC nằm tại mốc 33.5. Mục tiêu chốt lời của cổ phiếu nằm tại xung quanh ngưỡng 42, cắt lỗ nếu vùng giá 30.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 05/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	37.17	-0.64%	4.70%	40.30%	-28.13%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	39.83	-0.40%	5.30%	30.20%	-32.38%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	114.67	-0.20%	6.30%	25.40%	-30.32%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1712.87	-0.07%	-1.00%	1.60%	25.91%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.71	0.00%	-0.90%	19.20%	16.85%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	870.00	0.26%	3.50%	3.60%	-6.83%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	525.75	0.38%	1.00%	1.00%	-3.62%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.20	-0.05%	9.20%	48.20%	21.91%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	146.76	3.58%	3.10%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.80	0.85%	8.20%	10.80%	-14.80%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.15	-0.96%	-1.00%	-8.40%	-12.87%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5533.00	0.15%	3.80%	8.30%	-4.73%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	507.73	-0.98%	2.60%	6.50%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1570.50	0.13%	2.20%	5.60%	-11.57%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	104.86	-0.97%	2.70%	21.90%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.40	-1.95%	0.10%	5.10%	-29.61%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8 tăng 20 US cent (0.5%) lên 39.99 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 7 tăng 12 US cent lên 37.41 USD/thùng.
- Saudi Arabia và Nga, hai trong số những nhà sản xuất dầu lớn nhất thế giới, đã nhất trí tiếp tục cắt giảm sản lượng 9.1 triệu thùng/ngày thêm một tháng. Tuy nhiên, cuộc họp sớm của OPEC+ vào ngày 4/6 như đề xuất của Chủ tịch OPEC đã bị hoãn lại giữa bối cảnh trong nhóm vẫn còn những ý kiến về việc một số nhà sản xuất dầu chưa tuân thủ đầy đủ thỏa thuận cắt giảm hiện nay.
- Saudi Arabia, Kuwait và Các Tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất không có kế hoạch kéo dài thời gian tự nguyện cắt giảm sản lượng bổ sung 1.18 triệu thùng/ngày sau tháng 6/2020, cho thấy nguồn cung dầu thô có thể tăng trong tháng tới, bất kể OPEC+ quyết định như thế nào.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giá vàng giao ngay tăng 1.3% lên 1,719.42 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 1.3% lên 1,719.42 USD/ounce.
- Giá vàng tăng trong phiên giao dịch vừa qua khi chứng khoán Phố Wall giảm điểm và đồng USD cũng yếu đi do dữ liệu thương mại của Mỹ kém tích cực mặc dù thị trường lao động có dấu hiệu cải thiện. Đồng USD rơi xuống thấp nhất trong vòng gần 3 tháng.

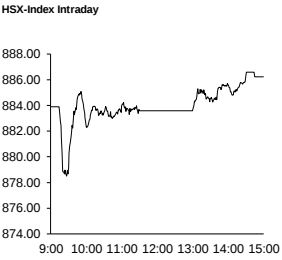
Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên giảm 2.1% xuống 737 CNY (103.49 USD)/tấn. Quặng kỳ hạn tháng 6/2020 trên sàn Singapore giảm 1.7% xuống 99.18 USD/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn trên 2 sàn giao dịch Đại Liên và Singapore giảm trong phiên giao dịch vừa qua do nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn sau khi giá tăng lúc đầu phiên.
- Thị trường tiếp tục biến động phiên thứ 2 liên tiếp sau khi sàn Đại Liên yêu cầu các thành viên hãy giao dịch quặng sắt kỳ hạn tương lai một cách "hợp lý" sau khi giá đã vượt 100 USD/tấn, đồng thời tuyên bố sẽ tăng cường giám sát thị trường hàng ngày và xử lý tất cả các hành vi vi phạm để duy trì sự trật tự trên thị trường.

Giá nông sản

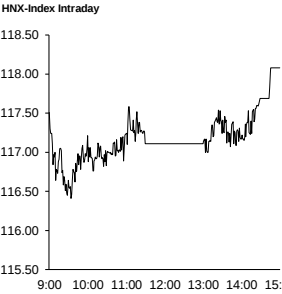
- Đường thô kỳ hạn tháng 7 trên sàn New York tăng 0.11 US cent, tương đương 0.9% lên 11.73 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn London tăng 9.2 USD, tương đương 2.4%, lên 384.80 USD/tấn. Nguồn cung đường trắng đang bị thắt chặt do sản lượng của Thái Lan sụt giảm. Giá đường trắng kỳ hạn 1 tháng cao hơn 20 USD/tấn so với kỳ hạn 2 tháng. Vị thế đảo ngược này cho thấy nhu cầu thực của đường trắng đang rất mạnh.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 giảm 0.95 US cent, tương đương 1%, xuống 98.15 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7 giảm 4 USD (0.3%) xuống 1,198 USD/tấn.
- Gạo 5% tấm xuất khẩu của Việt Nam hiện giá 475 USD/tấn, cao nhất kể từ đầu năm 2012, so với 450 – 460 USD/tấn một tuần trước đây. Gạo 5% tấm của Thái Lan giá cũng tăng lên 490 – 512 USD/tấn, từ mức 489 – 490 USD/tấn cách đây một tuần, chủ yếu do đồng baht mạnh lên, giữa bối cảnh thị trường vẫn lo ngại về nguồn cung nội địa mặc dù gần đây đã có mưa. Gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ giá giảm xuống 367 – 373 USD/tấn, từ mức 370 – 375 USD/tấn cách đây một tuần, do các nhà nhập khẩu đến từ Châu Phi và Châu Á giảm dần tốc độ mua vào sau khi đã tích cực mua hồi tháng 5.

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày	
Ngành	±%
Truyền thông	-0.70%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.46%
Viễn thông	-0.38%
Bất động sản	-0.28%
Dầu khí	0.00%
Bảo hiểm	0.05%
Ngân hàng	0.22%
Y tế	0.40%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.42%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.59%
Công nghệ Thông tin	0.62%
Thực phẩm và đồ uống	0.76%
Du lịch và Giải trí	0.91%
Xây dựng và Vật liệu	1.01%
Ô tô và phụ tùng	1.02%
Dịch vụ tài chính	1.08%
Bán lẻ	1.23%
Tài nguyên Cơ bản	1.61%
Hóa chất	1.63%

Nguồn: FiinPro

CÁO VÀ NHÍM

Cáo là loài khôn ngoan tinh ranh, có thể nghĩ ra rất nhiều mưu kế để tấn công nhím. Ngày qua ngày, cáo lẩn quẩn ở hang để rình nhím, chờ đợi thời cơ thích hợp để tấn công nhím. Nhanh nhẹn, đẹp đẽ, khéo léo, có vẻ như phần thắng sẽ thuộc về cáo. Ngược lại nhím là một loài chậm chạp, nó lạch bạch đi lại, tìm thức ăn và chăm sóc cái hang nó mỗi ngày.

Một ngày như mọi ngày, cáo lặng lẽ chờ ở ngã 3 đường. Nhím thì đang chăm chú lo việc của mình, vô tình đi ngay vào con đường mà cáo đang chờ. Cáo nghĩ thầm trong bụng: “Lần này tao sẽ bắt được mày”. Nhanh như chớp nó nhảy phốc ra, con nhím nhỏ bé, nhìn lên con cáo rồi tự nghĩ: “Lại là mày nữa à, sao mày nhảy vậy, còn trò gì mới hơn không”. Ngay lập tức nhím cuộn tròn lại thành quả cầu gai, những cái gai đâm ra tứ phía, bén nhọn. Cáo chồm tới thì gặp sự tự vệ của nhím, đành phải lùi lại, rút vào cánh rừng tiếp tục suy nghĩ cách tấn công con nhím.

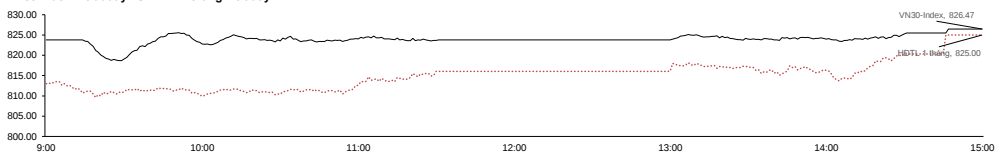
Mỗi ngày con cáo và con nhím chạm trán nhau vài lần. Mặc dù con cáo rất khôn ngoan nhưng con nhím mới là kẻ “thắng cuộc”.

Hầu hết nhà đầu tư theo trường phái đầu cơ đều nghĩ mình là cáo. Họ cho rằng mình đủ thông minh và kinh nghiệm để xác định thời điểm (lên hay xuống) của thị trường. Vì vậy họ mua bán liên tục và theo đuổi hiệu quả của từng khoản đầu tư. Tuy vậy, đây là chiến lược đã lỗi thời. Thực tế: “it’s time in the markets that counts, not timing the markets”, tức là thời gian đầu tư vào thị trường mới quan trọng chứ không phải việc xác định thời điểm của thị trường. Đó là bởi vì xu hướng của thị trường là thay đổi, thường là theo cách bất ngờ vì vậy sẽ không có gì đảm bảo rằng chiến lược theo đuổi hiệu quả một loại tài sản đang có kết quả tốt sẽ tiếp tục cho kết quả tốt trong năm tới, tháng tới hay thậm chí ngày hôm sau.



Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2006	825.00	1.23%	-1.47	9.5%	143,854	6/18/2020	13
VN30F2007	815.00	1.14%	-11.47	11.6%	655	7/16/2020	41
VN30F2009	796.80	1.44%	-29.67	-28.4%	234	9/17/2020	104
VN30F2012	799.00	1.29%	-27.47	194.4%	159	12/17/2020	195

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng nhẹ +2.70 điểm lên mức 826.47 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VNM, MSN, và VIC tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 biến động đầu phiên sáng, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch vận động tích lũy quanh mốc tham chiếu. Thanh khoản có chiều hướng giảm, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2007, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2001	HSC	6/30/2020	25	2:1	70.120	2012.0%	5.0 triệu	35.02%	1.800	1.720	7.50%	1.612.60	1.07
CHPG2004	SSI	6/15/2020	10	1:1	595.010	85.0%	5.0 triệu	35.02%	2.800	3.530	6.97%	3.584.00	0.98
CVPB2001	HSC	6/22/2020	17	2:1	115.270	-15.8%	5.0 triệu	42.85%	1.500	2.200	6.28%	2.276.80	0.97
CVPB2005	MBS	8/18/2020	74	2:1	166.230	-29.6%	2.0 triệu	42.85%	1.510	2.750	5.77%	2.703.10	1.02
CHPG2005	VND	10/1/2020	118	1:1	46.910	-4.5%	2.0 triệu	35.02%	2.100	8.200	2.12%	8.395.50	0.98
CTCB2004	MBS	8/18/2020	74	2:1	119.710	-51.3%	2.0 triệu	35.40%	1.050	2.400	1.27%	2.348.90	1.02
CHPG2002	KIS	12/16/2020	194	2:1	209.830	90.1%	3.0 triệu	35.02%	1.700	1.660	1.22%	945.70	1.76
CVNM2003	MBS	9/4/2020	91	10:1	267.770	45.0%	3.0 triệu	30.08%	1.450	2.730	1.11%	2.662.40	1.03
CVHM2001	KIS	12/16/2020	194	5:1	256.240	8.7%	2.0 triệu	34.73%	3.100	1.520	0.00%	611.60	2.49
CVNM2001	HSC	6/22/2020	17	10:1	705.000	0.0%	5.0 triệu	30.08%	1.700	470	0.00%	335.30	1.40
CVJC2001	KIS	12/16/2020	194	10:1	196.910	213.9%	2.0 triệu	27.69%	2.400	690	0.00%	28.40	24.30
CREE2002	VND	7/1/2020	26	1:1	99.730	-47.0%	1.5 triệu	29.32%	1.800	1.940	-0.51%	1.052.00	1.84
CFPT2005	VND	7/1/2020	26	1:1	29.300	25.7%	1.0 triệu	31.95%	2.900	8.440	-1.06%	8.091.40	1.04
CSTB2003	KIS	9/16/2020	103	1:1	234.050	89.4%	3.0 triệu	38.70%	1.360	1.310	-2.24%	689.40	1.90
CNVL2001	KIS	12/16/2020	194	4:1	167.310	476.7%	2.0 triệu	16.99%	2.300	1.160	-2.52%	81.10	14.30
CVIC2001	KIS	12/16/2020	194	5:1	111.090	1033.6%	2.0 triệu	30.13%	2.700	1.490	-2.61%	272.50	5.47
CFPT2003	SSI	11/9/2020	157	1:1	28.860	-19.3%	2.0 triệu	31.95%	7.300	11.620	-2.92%	9.416.20	1.23
CSTB2002	KIS	12/16/2020	194	1:1	85.380	106.0%	3.0 triệu	38.70%	1.700	1.590	-3.05%	789.20	2.01
CPNJ2003	VCSC	10/26/2020	143	5:1	780	-17.0%	1.5 triệu	34.80%	2.000	1.050	-6.25%	451.10	2.33
CMSN2004	MBS	9/4/2020	91	5:1	93.800	-35.2%	1.5 triệu	33.03%	1.980	2.330	-6.43%	1.924.60	1.21
CMBB2002	SSI	8/10/2020	66	1:1	121.480	-9.5%	3.0 triệu	33.20%	1.300	1.470	-8.13%	1.033.00	1.42
Tổng:					3.720.780		56.50 triệu	33.45%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
					**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 05/06/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch duy trì tại mức cao.

• Về giá, CMBB2004 và CMBB2005 mạnh lần lượt là -12.94% và -9.23%. Giá trị giao dịch giảm nhẹ -1.22%. CHPG2004 tiếp tục có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 22.06% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HDB, HPG, MBB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhqa@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	24.50	2.08	1.12
VNM	119.20	1.19	1.04
HPG	27.05	1.69	0.98
TCB	21.45	1.18	0.75
FPT	48.70	0.62	0.25

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	95.0	-1.04	-0.63
MSN	63.0	-0.79	-0.31
HDB	27.5	-1.08	-0.27
CTG	24.5	-0.81	-0.20
MBB	17.9	-0.56	-0.19

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2001	27.600	24.000	27.050
CHPG2004	26.300	23.500	27.050
CVPB2001	23.000	20.000	24.500
CVPB2005	22.520	19.500	24.500
CHPG2005	21.100	19.000	27.050
CTCB2004	19.100	17.000	21.450
CHPG2002	33.399	29.999	27.050
CVNM2003	108.500	94.000	119.200
CVHM2001	110.067	94.567	77.300
CVNM2001	137.000	120.000	119.200
CVJC2001	197.137	173.137	114.300
CREE2002	33.800	32.000	32.000
CFPT2005	51.900	49.000	48.700
CSTB2003	12.471	11.111	10.550
CNVL2001	75.088	65.888	54.600
CVIC2001	139.968	126.468	95.000
CFPT2003	57.300	50.000	48.700
CSTB2002	13.588	11.888	10.550
CPNJ2003	85.000	75.000	63.700
CMSN2004	64.900	55.000	63.000
CMBB2002	19.300	18.000	17.900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	86.1	0.7%	1.3	1,695	2.8	8,808	9.8	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	63.7	0.0%	1.3	624	1.5	5,248	12.1	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	49.8	-0.2%	1.3	1,606	1.4	1,307	38.1	1.9	28.4%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.6	0.3%	0.5	297	0.0	2,092	14.6	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	95.0	-1.0%	0.8	13,971	2.2	2,095	45.3	4.0	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	28.5	0.2%	1.1	2,811	2.7	1,226	23.2	2.4	30.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.6	0.2%	0.8	2,302	1.3	3,584	15.2	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	32.0	0.0%	0.8	431	0.8	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.0	0.8%	1.4	271	1.5	2,289	5.2	0.9	39.9%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.7	0.0%	1.3	410	3.9	1,415	11.1	0.9	50.4%	7.8%
VCI	Chứng khoán	25.2	0.0%	1.0	180	0.7	4,240	5.9	1.0	28.8%	18.0%
HCM	Chứng khoán	20.0	1.5%	1.8	265	2.5	1,480	13.5	1.4	53.3%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.7	0.6%	0.8	1,660	2.6	4,804	10.1	2.3	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	52.3	4.2%	0.4	566	0.1	4,812	10.9	2.8	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	77.0	-1.3%	1.5	6,408	3.0	5,820	13.2	2.9	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	47.0	-0.3%	1.5	2,433	1.2	869	54.1	3.0	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	13.4	1.5%	1.5	278	4.4	1,238	10.8	0.5	12.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.8	0.0%	0.8	1,051	2.5	898	8.7	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.7	-0.4%	0.5	527	0.1	5,046	18.4	3.4	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.9	1.7%	0.5	253	1.7	1,006	14.8	0.7	12.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.4	1.1%	0.5	194	0.3	415	20.3	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	89.0	0.0%	1.1	14,352	3.1	4,848	18.4	3.9	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	42.1	0.7%	1.4	7,362	2.2	2,140	19.7	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	24.5	-0.8%	1.2	3,958	5.8	2,510	9.7	1.2	29.8%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.5	2.1%	1.2	2,597	5.8	3,750	6.5	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.9	-0.6%	1.1	1,877	5.3	3,398	5.3	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	25.2	-0.4%	1.0	1,822	4.4	3,780	6.7	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	50.7	3.0%	0.9	180	0.7	5,303	9.6	1.6	80.1%	17.0%
NTP	Nhựa	37.5	4.2%	0.4	160	0.1	4,208	8.9	1.4	18.8%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.1	1.3%	0.5	649	0.0	356	42.4	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	27.1	1.7%	1.1	3,247	15.8	2,764	9.8	1.5	36.3%	17.4%
HSG	Thép	10.6	6.9%	1.5	205	7.4	1,493	7.1	0.8	14.5%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	119.2	1.2%	0.7	9,025	5.5	5,453	21.9	6.9	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	179.0	0.0%	0.8	4,991	0.2	6,719	26.6	6.7	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	63.0	-0.8%	1.0	3,202	5.0	3,961	15.9	1.7	39.3%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.1	0.0%	0.8	384	1.4	171	88.2	1.2	5.9%	1.5%
ACV	Vận tải	63.6	-0.5%	0.8	6,020	0.9	3,450	18.4	3.8	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	114.3	0.0%	1.1	2,603	1.8	7,110	16.1	4.0	18.4%	26.3%
HVN	Vận tải	28.3	1.4%	1.7	1,742	2.7	1,654	17.1	2.2	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	20.9	5.0%	0.9	269	0.7	1,583	13.2	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.6	0.9%	1.1	141	0.7	2,117	5.5	0.7	25.3%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	68.1	2.4%	0.9	460	1.1	9,201	7.4	3.2	2.7%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.0	-0.3%	0.8	370	0.0	1,453	13.1	1.3	9.8%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.7	0.3%	1.0	243	0.2	1,938	7.6	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	73.2	1.7%	1.1	243	1.0	8,032	9.1	0.7	46.6%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.2	0.0%	0.4	484	0.1	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.1	-1.3%	0.4	198	1.1	1,775	10.8	0.9	43.4%	8.5%
POW	Điện	10.6	-0.5%	0.6	1,074	1.7	1,028	10.3	0.9	11.6%	9.4%
NT2	Điện	21.4	1.2%	0.5	267	0.1	2,543	8.4	1.4	17.9%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	119.20	1.19	0.70	1.08MLN
HPG	27.05	1.69	0.36	13.53MLN
VPB	24.50	2.08	0.35	5.51MLN
BID	42.10	0.72	0.35	1.22MLN
TCB	21.45	1.18	0.25	2.25MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.97	525870.00	1.11MLN
GAS	0.00	-0.55	881330.00	607060.00
CTG	0.00	-0.21	5.42MLN	373600.00
VHM	0.00	-0.19	2.19MLN	192700.00
MSN	0.00	-0.17	1.83MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HBC	9.63	7.00	0.04	12.77MLN
HQC	1.53	6.99	0.01	46.21MLN
HVH	9.20	6.98	0.00	765680.00
CMX	18.45	6.96	0.01	935190.00
GTN	18.45	6.96	0.09	4.18MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTL	8.91	-6.99	-0.01	20.00
TTB	5.06	-6.99	-0.01	1.11MLN
TNI	8.53	-6.98	-0.01	249970.00
LAF	8.36	-6.80	0.00	1510.00
SVI	70.20	-6.40	-0.02	1230.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	11.60	9.43	0.15	8.88MLN
SHB	16.00	0.63	0.13	5.73MLN
DGC	41.50	3.75	0.12	737400.00
NTP	37.50	4.17	0.05	72800.00
AMV	19.00	8.57	0.05	1.20MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.20	-0.40	-0.16	4.02MLN
IDC	19.00	-2.56	-0.08	26800.00
TAR	24.00	-4.76	-0.02	1.03MLN
DST	4.60	-9.80	-0.02	377700.00
SHN	6.70	-1.47	-0.01	1100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

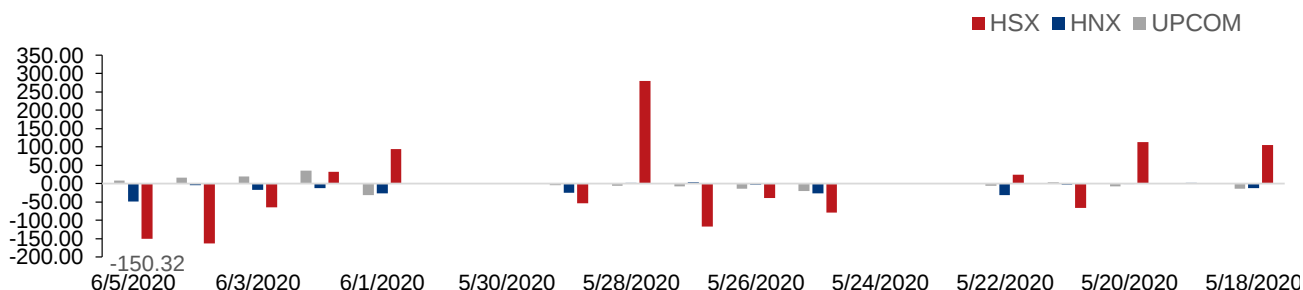
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVX	0.90	12.5	0.02	3.33MLN
SJC	0.90	12.5	0.00	6100.00
THB	8.90	9.9	0.00	10700.00
KHS	13.40	9.8	0.01	3100.00
SHS	11.60	9.4	0.15	8.88MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HEV	12.70	-17.53	0.00	100.00
ACM	0.50	-16.67	-0.01	296300.00
FID	0.90	-10.00	0.00	109200.00
KVC	0.90	-10.00	-0.01	149600.00
L18	8.10	-10.00	0.00	2600.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	63.0	3,961	15.9	1.7	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	41.5	4,717	8.8	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	10.6	1,493	7.1	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	42.1	5,479	7.7	2.1	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	21.7	1,140	19.0	1.8	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.1	2,764	9.8	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	21.5	2,987	7.2	1.2	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	63.7	5,248	12.1	2.9	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	133.3	5,718	23.3	8.2	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.0	2,289	5.2	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.7	1,496	11.2	1.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	28.6	7,637	3.7	1.3	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	23.8	5,311	4.5	1.1	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	30.9	4,465	6.9	1.3	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	89.0	4,848	18.4	3.9	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	25.2	3,780	6.7	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	37.2	6,553	5.7	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	54.6	3,887	14.0	2.8	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.7	4,804	10.1	2.3	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	20.9	1,583	13.2	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019. Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương. Về triển khai Mobile Money tại Việt Nam: Ví điện tử tại các thị trường VGI đầu tư: (1) có liên kết với ngân hàng và chỉ có tại các nước chậm phát triển (2) các nước phát triển có thói quen dùng visa. Việt Nam đang xin cấp phép để thử nghiệm về thanh toán (1) một số hàng hóa (2) có giới hạn số tiền được chi trả mỗi tháng (3) không có tài khoản ngân hàng đảm bảo (4) nhà mạng phải ký quỹ với Ngân hàng nhà nước. Thách thức trong việc triển khai ví điện tử tại các thị trường của VGI (1) tìm đối tác là ngân hàng (2) xin được giấy phép.
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (-19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giả định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019). Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp có vị thế tiền mặt và tiền gửi ngân hàng dồi dào hàng năm và được quản lý tốt, (2) Thu nhập từ 3 liên doanh đảm bảo chính sách cổ tức hấp dẫn, chúng tôi kỳ vọng giai đoạn 2020 - 2021, doanh nghiệp sẽ trả cổ tức khoảng 4,300-5,200 đồng/cổ phiếu tương đương lợi suất cổ tức 9-10%.
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lô cao, thị phần đạt 70%. 6 lô cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: phập phù, 5: chạy full, 6: còn đang lỗ P4 sử dụng tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan: dùng trong chất bán dẫn, màn hình tinh thể lỏng. Nhu cầu 5G cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu của P4. Nếu tăng thuế xuất khẩu P4 lên 20% (hiện tại: 5%), DGC chỉ có thể chuyển 1 phần sang cho khách hàng (5- 10%) do khách hàng có thể mua từ Morocco. Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn. Rủi ro Đầu tư: Dịch bệnh khiến ảnh hưởng kết quả kinh doanh và chất lượng tài sản. Cập nhật KQKD: (1) LNTT +19.2% yoy, trong đó tín dụng +3.7% ytd, NIM - 3 bps so với cuối năm 2019. (2) Thu nhập ngoài lãi +75.6%, trong đó: phí dịch vụ +51.5% yoy, ACB cũng ghi nhận 560 tỷ từ CK đầu tư. (3) Chi phí tín dụng tăng mạnh +462% yoy do ảnh hưởng bởi COVID-19. (4) Tỷ trọng cho vay cá nhân và SME ở mức cao (~63% tổng dư nợ cho vay). Trong đó, tỷ lệ cho cá nhân vay mua nhà ở mức ~80% dư nợ cho vay cá nhân, ~35% cho vay toàn ngân hàng. (5) Giảm lãi suất huy động ngắn hạn hỗ trợ giảm chi phí vốn cho TCB. (6) Chất lượng tài sản cải thiện nhẹ, dự kiến NPL <2% trong năm 2020.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn

Cộng Trại

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyễn

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn